



EPR: Cơ hội và thách thức

Nguyễn Hoàng Phượng

Sáng lập và Trưởng Chương trình tư vấn Chính sách và Luật pháp

Công ty TNHH Tư vấn e-Policy



Nội dung chính

- » Bối cảnh Việt Nam
- » Những vấn đề cạnh tranh trong EPR
- » Cơ hội và thách thức cho các bên.

Bối cảnh Việt Nam

- Doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ chiếm đa số;
- Khu vực phi chính thức hoạt động mạnh mẽ.



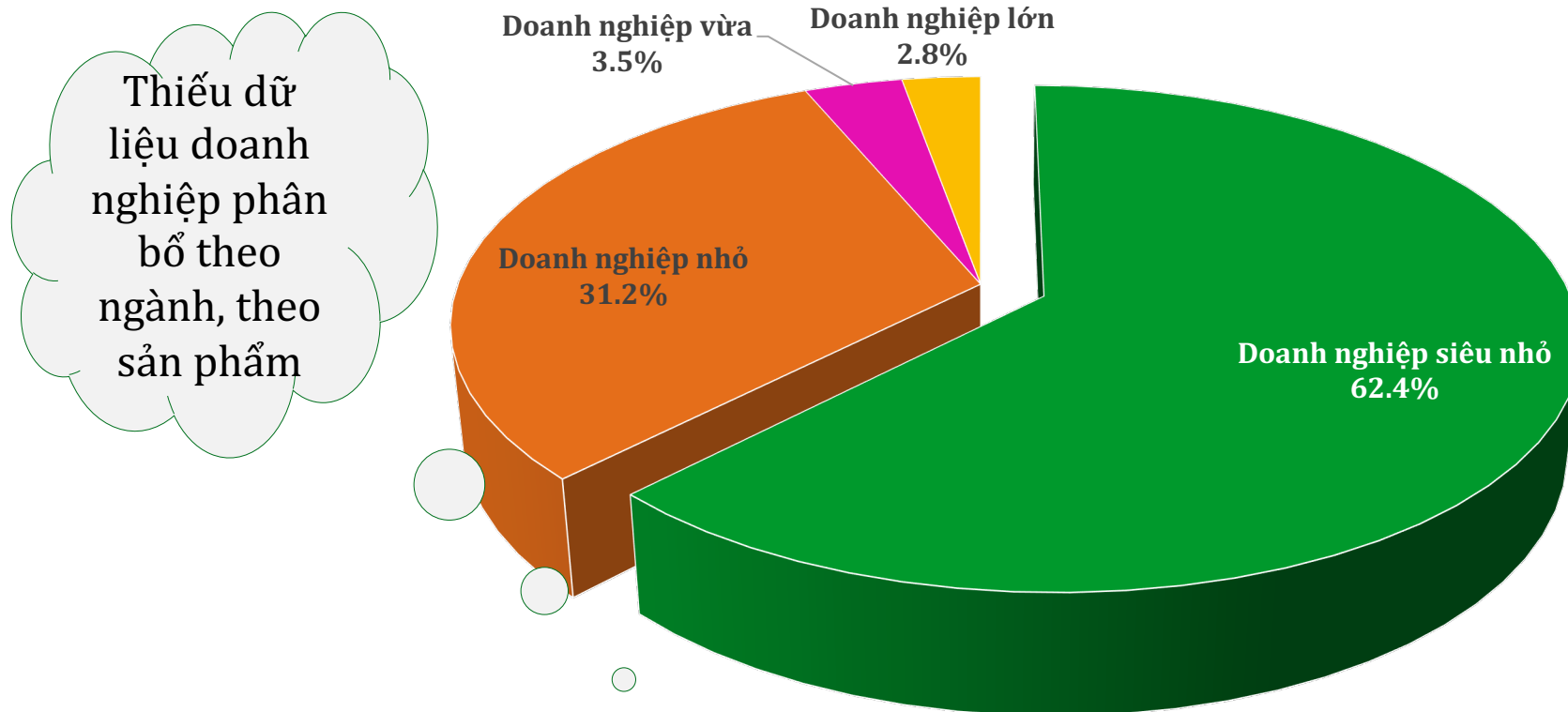
Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhỏ và vừa (Nghị định số 39/2018/NĐ-CP năm 2018)

Tiêu chí xác định: Theo lao động và doanh thu **HOẶC** Theo lao động và vốn

Lĩnh vực	Doanh nghiệp siêu nhỏ			Doanh nghiệp nhỏ			Doanh nghiệp vừa		
	Số lao động (Người)	Doanh thu (Tỷ đồng)	Nguồn vốn (Tỷ đồng)	Số lao động (Người)	Doanh thu (Tỷ đồng)	Nguồn vốn (Tỷ đồng)	Số lao động (Người)	Doanh thu (Tỷ đồng)	Nguồn vốn (Tỷ đồng)
Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Công nghiệp và xây dựng	≤ 10	≤ 3	≤ 3	≤ 100	≤ 50	≤ 20	≤ 200	≤ 200	≤ 100
Thương mại và dịch vụ	≤ 10	≤ 10	≤ 3	≤ 50	≤ 100	≤ 50	≤ 100	≤ 300	≤ 100
Lưu ý:	Số lao động là số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm.								

Cơ cấu doanh nghiệp theo quy mô tính đến ngày 31/12/2018

Cơ cấu DN theo phân loại quy mô doanh nghiệp tính đến ngày 31/12/2018



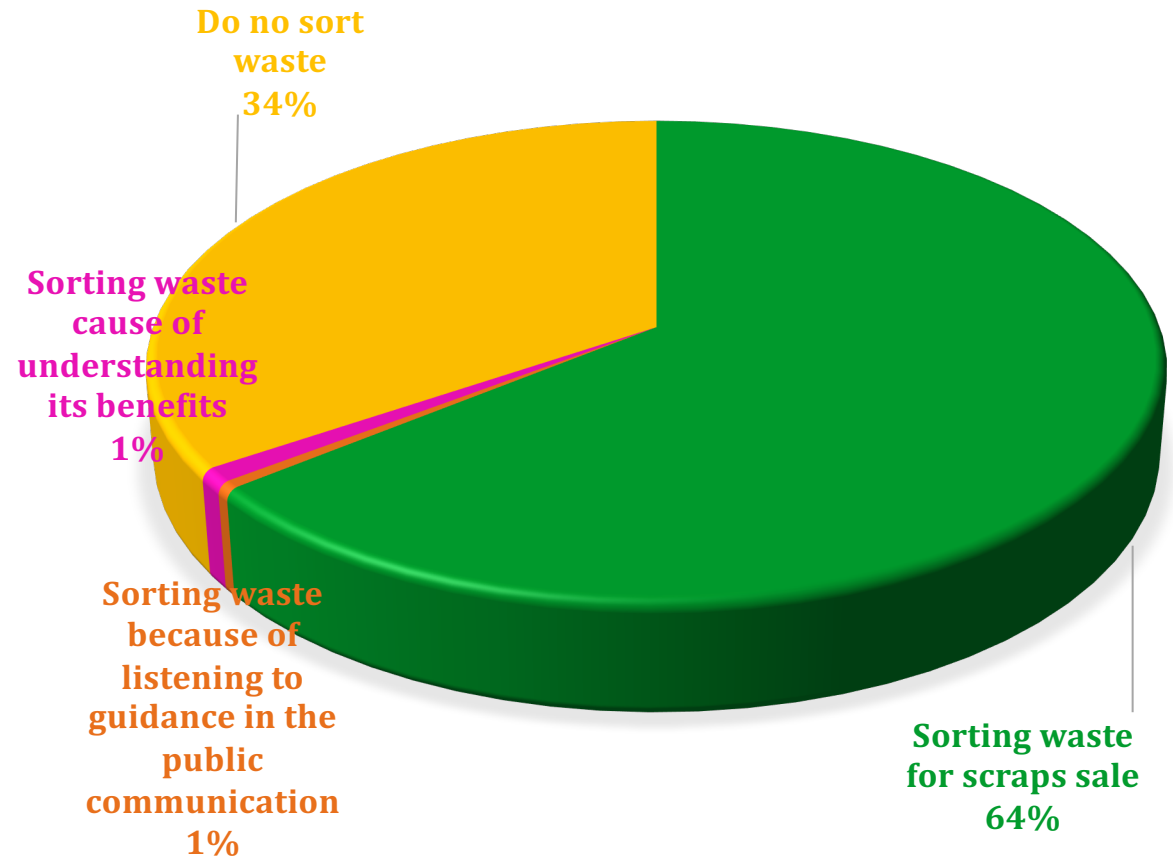
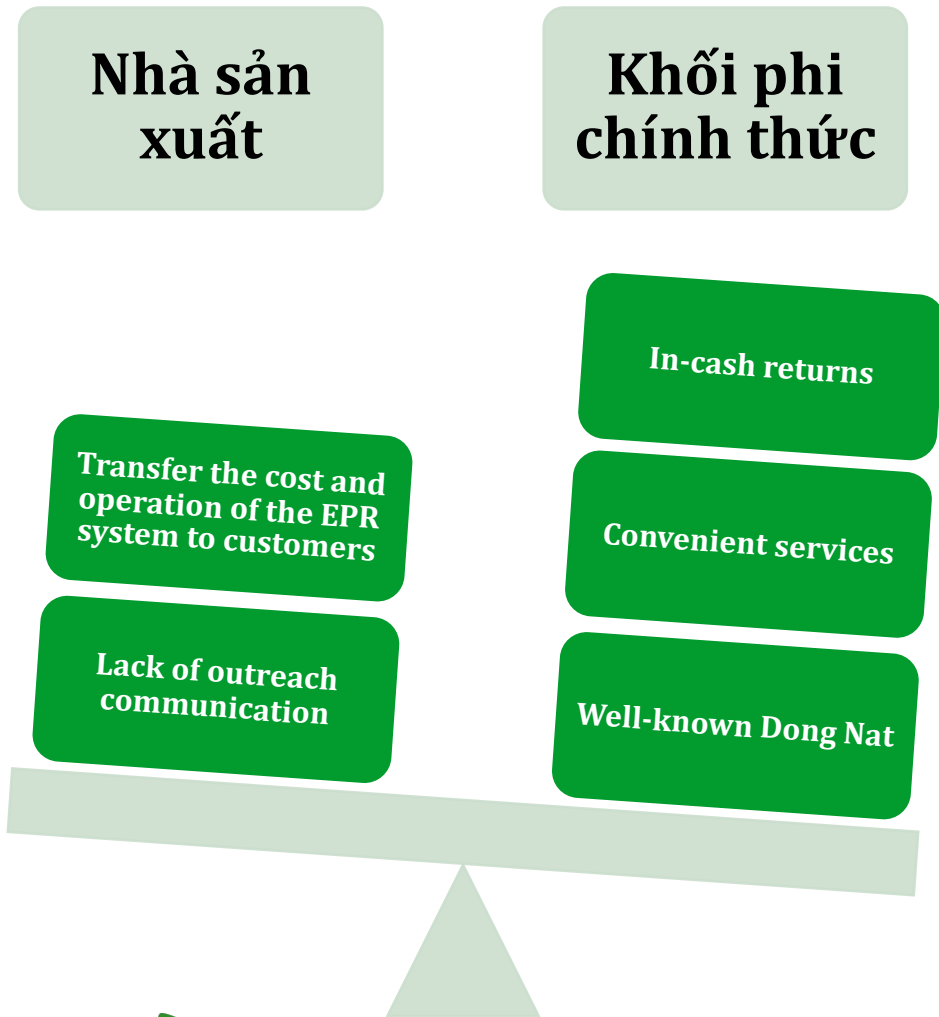
Nguồn: Theo Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2020 (tính trong tổng số 610.637 doanh nghiệp đang hoạt động trên cả nước tính đến thời điểm ngày 31/12/2018)

Con số này chưa tính tới khoảng hơn **5,14 triệu** cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông, lâm nghiệp và thủy sản (còn gọi là cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hay **hộ kinh doanh**) – gấp hơn 8 lần số lượng doanh nghiệp – cũng tham gia vào nền kinh tế.

Trong đó, **chỉ 25,9%** (1,326 triệu hộ) cơ sở **có đăng ký kinh doanh** (ĐKKD) và còn lại các cơ sở chưa có ĐKKD (khoảng 3,774 triệu hộ) và chủ yếu hoạt động ở **khu vực dịch vụ chiếm tới 76,7%** tổng số cơ sở hộ;

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2018). *Kết quả tổng điều tra kinh tế năm 2017.*

Dòng chảy của các dòng chất thải có giá trị

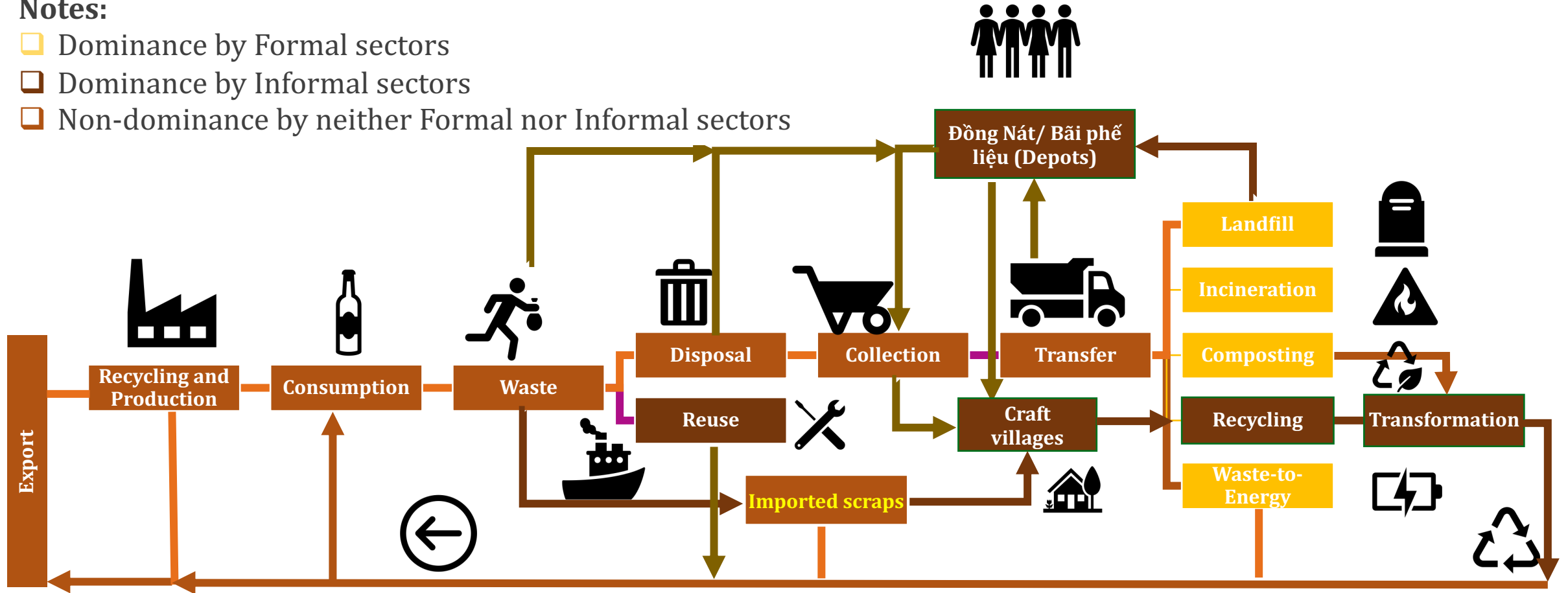


Result of a random survey on waste sorting in Ho Chi Minh City conducted in April 2016 (212 households)

Mô hình kinh tế "lai" giữa tuần hoàn và tuyến tính trong quản lý chất thải ở Việt Nam

Notes:

- Dominance by Formal sectors
- Dominance by Informal sectors
- Non-dominance by neither Formal nor Informal sectors



Một số vấn đề cạnh tranh trong hệ thống EPR

Cạnh tranh giữa các DN trong cùng ngành hàng: DN tuân thủ và free-riders (hợp pháp và bất hợp pháp);

Cạnh tranh trong mô hình có nhiều PRO – đặc biệt về địa bàn thu gom;

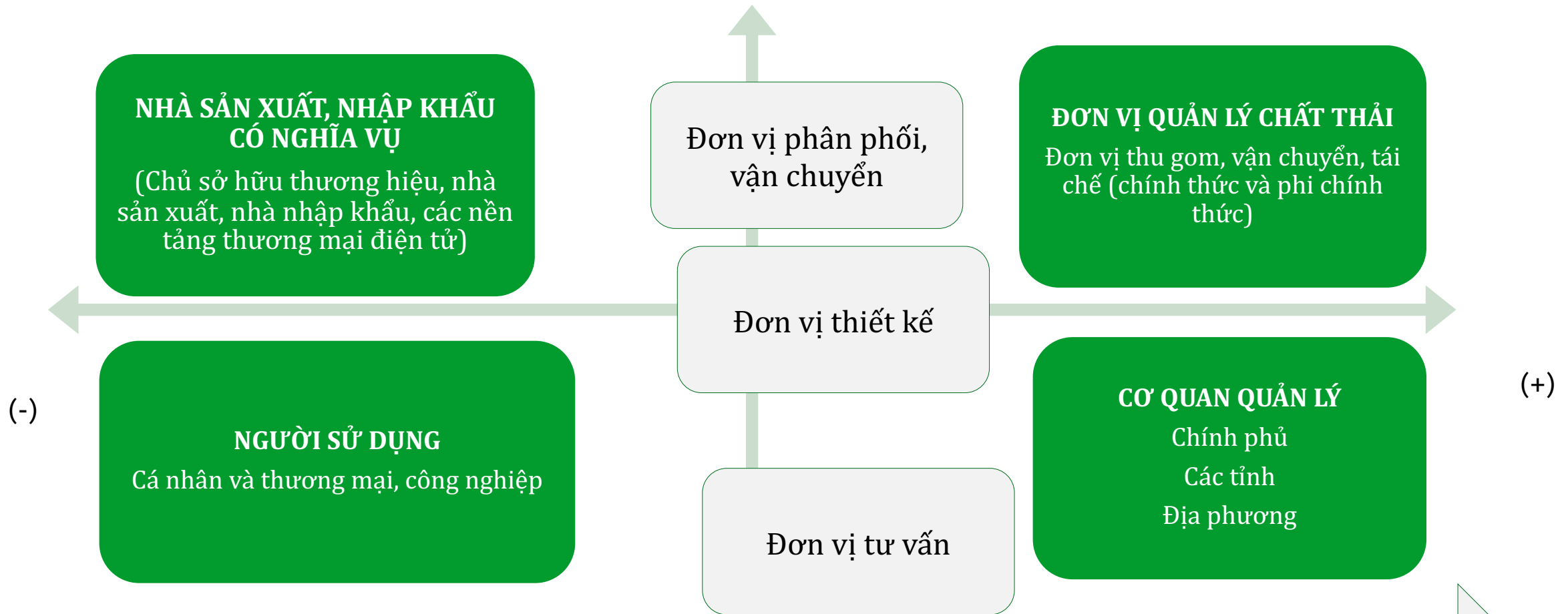
Cạnh tranh giữa mô hình industry-lead (tự thực hiện tái chế) và mô hình Govt-lead (Quỹ BVMT);

Cạnh tranh giữa các địa phương trong việc thu hút các đối tác thực hiện EPR (hợp đồng với các PRO/ Nhà sản xuất lớn trong thu gom trên địa bàn; thu hút các doanh nghiệp tái chế);

Cạnh tranh giữa hệ thống chính thức và phi chính thức nếu không có sự lồng ghép/ hợp tác hợp lý; giữa các mô hình, sáng kiến mới (như hệ thống đặt cọc – hoàn trả (DRS) hay ứng dụng (apps) thu gom với các mô hình truyền thống);

Cạnh tranh giữa hoạt động thu gom trong nước với phế liệu nhập khẩu.

Các bên liên quan chính trong hệ thống EPR



EPR có tác động cả tích cực và tiêu cực đối với hộ kinh doanh, doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa phụ thuộc họ ở đâu trong chuỗi giá trị cũng như khả năng thích ứng và thay đổi.

Thách thức và cơ hội cho Nhà sản xuất, nhập khẩu có nghĩa vụ trong EPR

Thách thức

- Tăng giá thành sản phẩm và nguy cơ giảm thị phần.
- Tổn thời gian, tiền bạc và công sức ban đầu để nghiên cứu, xây dựng các mô hình và công cụ tài chính hiệu quả để đáp ứng được các mục tiêu tái chế.
- Việc hợp tác với khối phi chính thức trong khâu thu gom rác thải.

Cơ hội

1. Động lực thực hiện kinh tế tuần hoàn trong quy trình sản xuất, trong thiết kế các sản phẩm để giảm bớt chi phí xử lý cuối cùng.
2. Đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào cho doanh nghiệp khỏi những bất ổn thị trường.
3. Có thể nâng cao lợi thế cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành nếu:
 - Tận dụng ưu thế mạng lưới quan hệ đối tác, hệ thống phân phối để thu gom rác thải, giúp giảm giá thành sản phẩm.
 - Gây ấn tượng với khách hàng bằng marketing xanh, tạo ấn tượng là một doanh nghiệp có trách nhiệm.

Thách thức và cơ hội cho Nhà tái chế trong EPR

Thách thức

- Thị trường quy mô thị trường nhỏ do tỷ lệ tái chế ban đầu thấp;
- Khả năng tiếp cận vốn và công nghệ tái chế;
- Cạnh tranh đối với khối phi chính thức (thu gom và tái chế làng nghề);

Cơ hội

- Tạo động lực cho đầu tư do nhu cầu thị trường ổn định và luôn tăng;
- Nguồn tiền từ EPR thúc đẩy đầu tư và cải tiến công nghệ trong tái chế;
- “Tấm lưới an toàn” bảo vệ thị trường tái chế trước sự bất ổn của thị trường.

Thách thức và cơ hội cho Người sử dụng trong EPR

Thách thức

- Chi trả thêm do giá thành sản phẩm, bao bì tăng;
- Khó tiếp cận một số sản phẩm, bao bì do doanh nghiệp rời khỏi thị trường hoặc cắt giảm việc sản xuất;

Cơ hội

- Chi tiêu thông minh hơn.
- Có thể bán lại được sản phẩm, bao bì sau sử dụng
- Dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt hơn, có thể có nhiều chương trình khuyến mãi, giảm giá cho khách hàng liên quan đến việc thu hồi lại sản phẩm, bao bì thải bỏ;
- Thông tin liên quan đến sản phẩm, bao bì minh bạch hơn cho việc ra quyết định tiêu mua sắm;
- Ý kiến được lắng nghe hơn trong quá trình cải tiến sản phẩm, bao bì.

Thách thức và cơ hội cho Cơ quan quản lý trong EPR

Thách thức

- Điều phối đa bên trong quản lý chất thải rắn;
- Giải quyết các xung đột có thể phát sinh tại địa phương, đặc biệt đối với nguồn sản phẩm, bao bì có khả năng tái chế cao;
- Giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội - môi trường liên quan đến lao động phi chính thức nếu không lồng ghép hợp lý, ví dụ nghèo đô thị, lao động nhập cư, ô nhiễm thứ cấp.

Cơ hội

- Chia sẻ gánh nặng tài chính từ quản lý chất thải cho bên khác (Trách nhiệm Tái chế)
- Có thêm nguồn tài chính từ nguồn thu từ đóng góp tài chính (từ Trách nhiệm Xử lý).
- Giúp minh bạch hệ thống quản lý chất thải rắn và qua đó tối ưu hoá các nguồn lực.

Thách thức và cơ hội cho các đơn vị phụ trợ trong EPR

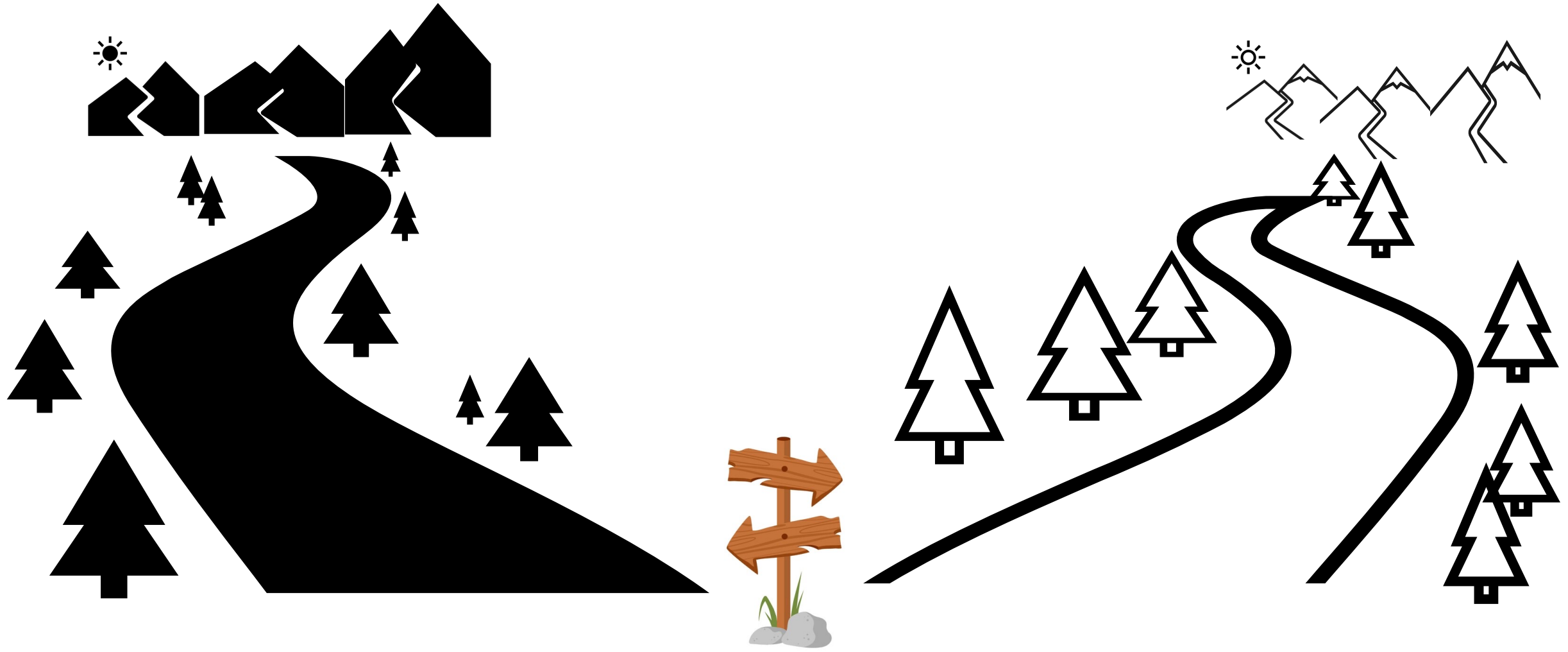
Thách thức

- Thiếu thông tin để chuyển đổi và đón đầu xu hướng;
- Thiếu kết nối để xác định các khách hàng và đối tác tiềm năng.

Cơ hội

1. Nhu cầu thực thi EPR giúp tạo động lực phát triển cho các ngành công nghiệp, dịch vụ liên quan liên quan kéo theo
 - Tạo động lực để nghiên cứu, cung cấp các nguyên liệu thay thế, nguyên liệu dễ xử lý.
 - Tư vấn, thiết kế thân thiện với môi trường, dễ thu gom, thuần chất liệu.
 - Tư vấn chiến lược trong thực thi EPR
 - Tạo các cơ hội kinh doanh mới và cho các đối tác mới.
- 2. Thực thi EPR tạo nhu cầu kết nối giữa các bên liên quan, đặc biệt là khu vực chính và thức phi chính thức - điều mà các NGOs có lợi thế làm việc với các cộng đồng.

EPR: Nguy hay Cơ?






Trân trọng cảm ơn

 Nguyễn Hoàng Phương

 +84 984 127 767

 Phuong@e-policy.org

 <https://e-policy.org>

